

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 68/2024/HNGĐ-ST

Ngày 26-02-2024

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Thành và ông Hồ Bá Võ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Hà – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 367/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2023 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lưu Đức K, sinh năm 1977; địa chỉ nơi cư trú: Xóm T, xã H, huyện N, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

Bị đơn: Chị Trần Thị Thanh H, sinh năm 1987; địa chỉ nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Xóm T, xã H, huyện N, tỉnh Nghệ An; hiện đang sinh sống tại: Nhật Bản; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn anh Lưu Đức K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh K và chị Trần Thị Thanh H quen biết nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 05/01/2010 tại Ủy

ban nhân dân xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc tại xóm T, xã H, huyện N, tỉnh Nghệ An và có với nhau 02 (hai) con chung. Đến năm 2015 do mâu thuẫn vợ chồng chị H chuyển về nhà bố mẹ đẻ để ở và trong thời điểm đó chị H đang có bầu đứa con thứ 2. Đến năm 2016 thì chị Trần Thị Thanh H đi lao động tại Đài Loan cho đến nay. Khi chị H đi nước ngoài thì không thông báo gì cho anh K biết được và gửi con lại cho ông bà ngoại chăm sóc con chung. Nay anh K thấy tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An cho anh K được ly hôn chị Trần Thị Thanh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, gồm Lưu Đức K1, sinh ngày 21/12/2009 và Lưu Đức C, sinh ngày 05/5/2015. Hiện tại, các con đang ở với anh K. Ly hôn, nguyện vọng của anh K là được tiếp tục nuôi 02 con chung đến khi các con đủ tuổi trưởng thành. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung anh K không yêu cầu chị Trần Thị Thanh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lưu Đức K không yêu cầu Tòa án xem xét.

Giai đoạn chuẩn bị xét xử bị đơn vắng mặt tham gia tố tụng tại Tòa án. Công văn số 28568/QLXNC-P3 ngày 30/10/2023 của cục X - Bộ C2 cho biết, chị Trần Thị Thanh H đã xuất cảnh 03 lần, lần cuối xuất cảnh ngày 01/6/2017 qua cửa khẩu N đến nay chưa nhập cảnh. Nguyên đơn và người thân của bị đơn không cung cấp được địa chỉ cụ thể nơi bị đơn cư trú, chỉ biết bị đơn đang sinh sống làm việc tại Nhật Bản. Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập làm việc tại nơi cư trú cuối cùng của bị đơn trước khi xuất cảnh, đồng thời gửi Thông báo thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo cho bị đơn thông qua bố mẹ đẻ là ông Trần Văn H1 và bà Phan Thị C1. Tòa án đã xác minh, lấy lời khai, gửi văn bản yêu cầu ông H1 và bà C1 cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn theo yêu cầu của nguyên đơn, tuy nhiên ông H1 và bà C1 cho biết bị đơn thỉnh thoảng liên lạc về với ông, bà thông qua mạng xã hội. Ông H1 và bà C1 đã thông báo cho bị đơn biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đang thụ lý, giải quyết vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm theo yêu cầu của nguyên đơn nhưng bị đơn không có ý kiến gì chỉ nhờ ông H1 và bà C1 nhận các tài liệu trong quá trình giải quyết vụ án.

Ý kiến các con chung Lưu Đức K1 và Lưu Đức C: Nếu bố, mẹ ly hôn các con mong muốn được bố trực tiếp nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo quy định pháp luật.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người làm chứng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 77 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Trần Thị Thanh H đã được bố mẹ đẻ của mình cung cấp các thông tin về việc nguyên đơn khởi kiện vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình nhưng vẫn cố tình giấu địa chỉ, không chấp hành các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quyết định đưa vụ án ra xét xử, và Quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất hợp lệ nên vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Lưu Đức K ly hôn chị Trần Thị Thanh H; giao các con cho anh Lưu Đức K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung không xem xét, các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn chị Trần Thị Thanh H có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh tại Xóm T, xã H, huyện N, tỉnh Nghệ An. Văn bản số 28568/QLXNC-P3 ngày 30/10/2023 của cục XBộ C2 cho biết, chị Trần Thị Thanh H đã xuất cảnh 03 lần, lần cuối xuất cảnh ngày 01/6/2017 qua cửa khẩu N đến nay chưa nhập cảnh. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 và Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

[1.2] Sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Trần Thị Thanh H vắng mặt, Tòa án yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ nhưng không thực hiện được nên đã lấy lời khai của ông Trần Văn H1 và bà Phan Thị C1 là bố mẹ đẻ của chị H theo yêu cầu của nguyên đơn nhưng không có kết quả. Chị H đã được bố mẹ đẻ của mình thông báo nội dung và phạm vi khởi kiện của

nguyên đơn mà Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã thụ lý, giải quyết nhưng không có ý kiến gì. Đến nay Tòa án vẫn không nhận được văn bản trình bày ý kiến của chị H, nên được coi như trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do đó vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng về việc mở phiên tòa cho các đương sự, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiếp tục duy trì phiên tòa.

[2] Nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Anh Lưu Đức K và chị Trần Thị Thanh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 05/01/2010 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân giữa anh K và chị H là hôn nhân hợp pháp. Từ khi chị H xuất cảnh không liên lạc với anh K, thiếu sự quan tâm đến gia đình nên đã vi phạm vào khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Nay, anh K không còn tình cảm với chị H, xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho anh Lưu Đức K được ly hôn chị Trần Thị Thanh H theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Con chung: Các con chung Lưu Đức K1, sinh ngày 21/12/2009 và cháu Lưu Đức C, sinh ngày 05/5/2015 hiện đang do anh K trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, bị đơn đang sinh sống, lao động ở nước ngoài. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn về việc nuôi con chung là chính đáng và phù hợp với ý chí nguyện vọng của các con đã đủ 07 tuổi và hoàn cảnh thực tế. Nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung nên cần áp dụng Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình, giao các con chung cho anh Lưu Đức K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Tài sản chung, nợ chung: Anh Lưu Đức K không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 122, 123 và khoản 2 Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 207, Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lưu Đức K.

1. Quan hệ hôn nhân: Anh Lưu Đức K được ly hôn chị Trần Thị Thanh H.

2. Con chung:

2.1. Giao 02 (hai) con chung, gồm Lưu Đức K1, sinh ngày 21/12/2009 và Lưu Đức C, sinh ngày 05/5/2015 cho anh Lưu Đức K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Trần Thị Thanh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom con chung để gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Nếu người nào vi phạm thì người có quyền, yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung.

2.2. Cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lưu Đức K không yêu cầu, chị Trần Thị Thanh H chưa có ý kiến. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Án phí: Buộc anh Lưu Đức K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001306 ngày 09/11/2023 có tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã Kim Liên, huyện Nam
Đàn, tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Thúy Ngọc